

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:5249/BGDĐT-TĐKT

V/v hướng dẫn tổ chức hoạt động và
bình xét thi đua khối các Sở Giáo
dục và Đào tạo

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu.

Thực hiện Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục; Kế hoạch số 1374/KH-BGDĐT ngày 02/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” ngành Giáo dục giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 1176/KH-BGDĐT ngày 27/10/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai phong trào thi đua đặc biệt “Toàn ngành Giáo dục đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua, phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học”, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua, khen thưởng khối các Sở Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2021 - 2022 như sau:

I. PHÂN CHIA CỤM THI ĐUA

1. Cụm 1, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 05 thành phố trực thuộc Trung ương: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng.
2. Cụm 2, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 09 tỉnh Đồng bằng sông Hồng: tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình.
3. Cụm 3, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 10 tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung: tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Nông, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa.
4. Cụm 4, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 07 tỉnh Miền núi biên giới phía Bắc: tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn.
5. Cụm 5, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 07 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc: tỉnh Hòa Bình, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái.
6. Cụm 6, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 06 tỉnh Bắc Trung Bộ: tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.
7. Cụm 7, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 07 tỉnh miền Đông Nam Bộ: tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận.

8. Cụm 8, gồm các Sở Giáo dục và Đào tạo 11 tỉnh miền Tây Nam Bộ: tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Cà Mau và Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu.

II. TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM THI ĐUA

1. Tổ chức

1.1. Cụm thi đua có Cụm trưởng, Cụm phó và các đơn vị thành viên. Năm học 2021 - 2022, theo đề nghị của các Cụm thi đua, Bộ Giáo dục và Đào tạo phân công Cụm trưởng, Cụm phó như sau:

TT	Cụm	Cụm trưởng	Cụm phó
1.	Cụm 1	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hải Phòng
2.	Cụm 2	Thái Bình	Quảng Ninh
3.	Cụm 3	Gia Lai	Phú Yên
4.	Cụm 4	Lào Cai	Hà Giang
5.	Cụm 5	Phú Thọ	Tuyên Quang
6.	Cụm 6	Thanh Hóa	Quảng Trị
7.	Cụm 7	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ninh Thuận
8.	Cụm 8	Kiên Giang	Trà Vinh

Các năm học tiếp theo, Cụm trưởng và Cụm phó được bầu chọn luân phiên trong dịp tổng kết, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Cụm trưởng tổ chức điều hành hoạt động của Cụm ngay sau khi được phân công.

1.2. Bộ phận Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó và các thành viên trong Cụm.

2. Nhiệm vụ

2.1. Cụm trưởng

a) Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Cụm thi đua.

b) Điều phối hoạt động giữa các đơn vị trong Cụm thi đua, phối hợp tổ chức các hoạt động chung; trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm, phối hợp tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; bàn các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyên môn và công tác thi đua, khen thưởng.

c) Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ đầu năm học, Hội nghị tổng kết năm học và các hoạt động khác của Cụm. Báo cáo tổng kết năm học, bình xét thi đua (kèm theo biên bản bình xét) và kết quả bầu chọn Cụm trưởng, Cụm phó theo quy định.

2.2. Cụm phó

a) Phối hợp với Cụm trưởng xây dựng Chương trình, kế hoạch hoạt động của Cụm theo quy định.

b) Phối hợp với Cụm trưởng tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ đầu năm học, Hội nghị tổng kết năm học và các hoạt động khác của Cụm.

c) Thay mặt Cụm trưởng giải quyết một số công việc khi được Cụm trưởng ủy quyền.

2.3. Các đơn vị thành viên trong Cụm thi đua

a) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của Cụm.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung thi đua của Cụm.

c) Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

d) Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác kèm minh chứng, tự chấm điểm thi đua, thống nhất kết quả chấm điểm trong Cụm, gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua các đơn vị thuộc Bộ được phân công đánh giá, chấm điểm thẩm định) theo quy định.

3. Hoạt động của Cụm thi đua

3.1. Cụm thi đua làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, biểu quyết theo đa số.

3.2. Cụm thi đua được sử dụng con dấu của đơn vị làm Cụm trưởng và các phương tiện được giao quản lý để phục vụ cho các hoạt động của Cụm. Kinh phí hoạt động của Cụm thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3.3. Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học

a) Thành phần

- Đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục.

- Đại diện lãnh đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo trong Cụm thi đua.

- Đại diện một số phòng chuyên môn và cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị trong Cụm.

b) Nội dung

- Triển khai nhiệm vụ năm học và nội dung các phong trào thi đua do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

- Đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện phong trào thi đua phù hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo trong Cụm.

- Trao đổi nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

- Giới thiệu các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua của các đơn vị trong Cụm.

c) Hình thức tổ chức Hội nghị: Trực tiếp, trực tuyến hoặc các hình thức phù hợp khác.

d) Thời gian hoàn thành: Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm. Riêng năm học 2021 - 2022 hoàn thành trước ngày 31/01/2022.

3.4. Hội nghị tổng kết năm học

a) Thành phần:

- Đại diện Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục.

- Đại diện lãnh đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo trong Cụm thi đua.

- Đại diện một số phòng chuyên môn và cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị trong Cụm.

b) Nội dung:

- Đánh giá kết quả hoạt động của Cụm thi đua trong năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới; phổ biến các điển hình tiêu biểu và cách làm hay của các đơn vị trong Cụm.

- Thống nhất việc tự chấm điểm thi đua các đơn vị trong Cụm.

- Bình xét, suy tôn đơn vị được tặng Cờ thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng.

- Bầu Cụm trưởng, Cụm phó mới cho năm tiếp theo.

Trước khi tiến hành Hội nghị tổng kết, Cụm trưởng chủ trì tổ chức họp trừ bị để thống nhất các nội dung trên.

c) Hình thức tổ chức Hội nghị: Trực tiếp, trực tuyến hoặc các hình thức phù hợp khác.

d) Thời gian hoàn thành Hội nghị tổng kết và gửi báo cáo về Bộ (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng): Trước ngày 05 tháng 7 hằng năm.

3.5. Trước khi tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học và Hội nghị tổng kết năm học, Cụm trưởng thống nhất thời gian, gửi báo cáo và giấy mời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) để phân công lãnh đạo Bộ hoặc một số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành tham dự.

3.6. Ngoài 02 hội nghị trên, căn cứ Chỉ thị của Bộ trưởng về nhiệm vụ năm học của ngành Giáo dục, các Cụm thi đua có thể tổ chức các hoạt động tọa đàm, giao lưu, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm, cách làm hiệu quả để nâng cao chất lượng hoạt động của Cụm thi đua.

III. TIÊU CHÍ THI ĐUA VÀ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí thi đua, yêu cầu minh chứng và điểm đánh giá tại Danh mục tiêu chí thi đua kèm theo

2. Nguyên tắc và cách chấm điểm

2.1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Tổng số điểm trong danh mục tiêu chí chấm điểm là 2.500 điểm.

b) Không xét khen thưởng đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo để xảy ra vi phạm đặc biệt nghiêm trọng (theo kết luận của cấp có thẩm quyền), làm ảnh hưởng tới môi trường giáo dục của địa phương và ngành.

2.2. Cách chấm điểm

a) Chấm điểm theo danh mục tiêu chí thi đua

- Mức 1: Không đạt yêu cầu: Không đáp ứng được yêu cầu tiêu chí hoặc không có tài liệu, minh chứng cho kết quả.

- Mức 2: Không đạt điểm tối đa: Thực hiện chưa đầy đủ theo yêu cầu của tiêu chí hoặc các minh chứng chưa đủ, chưa rõ ràng. Điểm đánh giá được tính bằng số điểm tối đa nhân với tỷ lệ phần trăm công việc đạt được hoặc minh chứng đưa ra (ví dụ: chỉ hoàn thành 80% nhiệm vụ hoặc chỉ có 80% minh chứng và số điểm tối đa của tiêu chí là 50 thì Sở chỉ đạt: $80\% \times 50 \text{ điểm} = 40 \text{ điểm}$).

- Mức 3: Đạt điểm tối đa: Thực hiện đầy đủ yêu cầu của tiêu chí, có các minh chứng rõ ràng, thuyết phục.

b) Quy định về điểm thưởng và điểm trừ

Ngoài số điểm theo quy định, các Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị thuộc Bộ khi tự chấm điểm hoặc chấm thẩm định được chấm điểm thưởng hoặc điểm trừ với số điểm không vượt quá 20% tổng số điểm của từng lĩnh vực/tiêu chí có liên quan. Cụ thể:

- Điểm thưởng: Dành cho các Sở Giáo dục và Đào tạo có thành tích vượt trội, có sáng tạo trong việc thực hiện lĩnh vực công tác, có ý nghĩa lan tỏa trong toàn ngành hoặc có sự vươn lên vượt bậc so với năm học trước.

- Điểm trừ: Dành cho các Sở Giáo dục và Đào tạo có vi phạm làm ảnh hưởng tới môi trường giáo dục của ngành, của địa phương.

2.3. Quy trình chấm điểm

a) Các Sở Giáo dục và Đào tạo gửi kết quả tự chấm điểm kèm minh chứng sau khi đã thống nhất trong Cụm tới các đơn vị thuộc Bộ được phân công đánh giá, chấm điểm thẩm định trước ngày 05 tháng 7 hằng năm.

b) Căn cứ kết quả tự chấm điểm của các Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị thuộc Bộ chấm thẩm định, gửi kết quả về Vụ Thi đua - Khen thưởng trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

IV. QUY ĐỊNH VỀ SỐ LƯỢNG CỜ THI ĐUA VÀ BẰNG KHEN BỘ TRƯỞNG

1. Quy định số lượng tối đa tặng Cờ thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng

Cụm thi đua	Cờ thi đua	Bằng khen Bộ trưởng
Cụm 1. Các thành phố trực thuộc Trung ương (5 sở)	1	2
Cụm 2. Đồng bằng sông Hồng (9 sở)	1	4
Cụm 3. Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung (10 sở)	1	4
Cụm 4. Miền núi biên giới phía Bắc (7 sở)	1	3
Cụm 5. Trung du và miền núi phía Bắc (7 sở)	1	3
Cụm 6. Bắc Trung bộ (6 sở)	1	2
Cụm 7. Đông Nam Bộ (7 sở)	1	3
Cụm 8. Tây Nam Bộ (12 sở)	1	5
Tổng số	8	26

2. Căn cứ kết quả bình xét, suy tôn của các Cụm thi đua và kết quả chấm thẩm định của các đơn vị thuộc Bộ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành họp xem xét thành tích, đề nghị Bộ trưởng quyết định tặng Cờ thi đua và Bằng khen Bộ trưởng cho các Sở Giáo dục và Đào tạo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục trưởng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động của Cục thi đua theo các nội dung của Hướng dẫn này.

2. Các Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động đến các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

3. Kết thúc năm học, các Sở Giáo dục và Đào tạo bình xét, lựa chọn các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động kèm minh chứng để đề nghị Bộ trưởng tặng Bằng khen theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) để tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

kt

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, TĐKT (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ngô Thị Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA KHỐI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT-TĐKT ngày tháng năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
1.	Giáo dục mầm non		200	Vụ
<i>1.1</i>	Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non		100	Giáo dục Mầm non
	Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ	- Kế hoạch và báo cáo kết quả chăm sóc nuôi dưỡng, phòng chống bạo hành trẻ. - Kế hoạch/văn bản chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống dịch.	30	
	Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ	- Trẻ được theo dõi sức khỏe định kỳ, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của WHO. - Giải pháp hỗ trợ, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em ở vùng khó khăn; tỷ lệ trẻ ăn bán trú.	30	
	Đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện hoạt động giáo dục	- Kế hoạch và báo cáo kết quả triển khai chuyên đề lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2. - Kế hoạch và báo cáo kết quả triển khai các chủ đề trong năm theo hướng dẫn của Bộ.	40	
<i>1.2</i>	Thực hiện các điều kiện bảo đảm chất lượng trong các cơ sở giáo dục mầm non		50	
	Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; định hướng phổ cập trẻ mẫu giáo.	- Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. - Kế hoạch duy trì và phát triển phổ cập bền vững.	20	
	Triển khai kịp thời các chính sách về giáo dục mầm non, nhất là công tác quy hoạch, xây dựng các chính sách đặc thù phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.	Các kế hoạch, đề án, chính sách phát triển địa phương.	20	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
	Duy trì trường chuẩn quốc gia/kiểm định chất lượng đối với những trường đạt chuẩn.	Kế hoạch và báo cáo kết quả duy trì, phát triển trường chuẩn quốc gia	10	
1.3	Tổ chức hoạt động nhà trường hiệu quả		50	
	Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn	Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn; kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng chuyên môn hằng năm của các cấp.	25	
	Đổi mới công tác quản lý tổ chức và hoạt động; thiết lập hệ thống hồ sơ, sổ sách tinh gọn, khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin.	Hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định.	25	
2.	Giáo dục tiểu học		200	Vụ Giáo dục Tiểu học
2.1	Triển khai chương trình giáo dục cấp tiểu học		45	
	Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức dạy học một cách linh hoạt, hiệu quả.	Văn bản chỉ đạo của địa phương và báo cáo kết quả thực hiện.	10	
	Chỉ đạo đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá.	Văn bản chỉ đạo của địa phương và báo cáo kết quả thực hiện.	10	
	Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.	Tỷ lệ chung học sinh hoàn thành chương trình lớp 1- 5.	25	
2.2	Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình giáo dục cấp tiểu học		65	
	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình giáo dục tiểu học.	Văn bản chỉ đạo của địa phương.	5	
	Tập huấn, bồi dưỡng giáo viên về chương trình và sách giáo khoa theo lộ trình; lựa chọn sách giáo khoa; xây dựng và thẩm định tài liệu giáo dục địa phương.	Văn bản chỉ đạo của địa phương và báo cáo kết quả thực hiện.	10	
	Chuẩn bị đội ngũ giáo viên (bồi dưỡng, đào tạo giáo viên đối với các môn học mới, tuyển dụng giáo viên đủ định mức và kịp thời theo lộ trình).	- Tỷ lệ giáo viên/lớp và theo cơ cấu môn học. - Tăng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo. - Tăng số lượng giáo viên ngoại ngữ, tin học.	20	
	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục tiểu học	- Tỷ lệ phòng học/lớp để dạy học 2 buổi/ngày. - Tăng tỷ lệ phòng học kiên cố, giảm phòng học tạm.	25	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		- Đảm bảo đủ phòng học bộ môn, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.		
	Tham mưu ban hành các chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn và thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc.	Các chính sách đặc thù của địa phương (Nghị quyết, Đề án, Chương trình....).	5	
2.3	Đổi mới công tác quản lý giáo dục tiểu học		20	
	Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Văn bản chỉ đạo và báo cáo kết quả thực hiện.	10	
	Tăng quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục, hiệu trưởng và giáo viên trong thực hiện Chương trình giáo dục cấp tiểu học.	Văn bản chỉ đạo và báo cáo kết quả thực hiện.	10	
2.4	Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường chuẩn quốc gia		50	
	Công tác chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học.	Văn bản chỉ đạo của địa phương.	10	
	Kết quả nổi bật đạt được.	- Tỷ lệ phần trăm học sinh 6 tuổi vào lớp 1. - Tỷ lệ chung học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi. - Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học và tổng số học sinh vào học lớp 1 của bốn năm trước đó). - Tăng tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.	40	
2.5	Huy động nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục tiểu học		20	
	Chính sách địa phương để thu hút nguồn lực đối với giáo dục tiểu học.	Các chính sách đặc thù của địa phương (Nghị quyết, Đề án, Chương trình....)	10	
	Quản lý việc thực hiện xã hội hóa giáo dục trong các trường tiểu học	Các văn bản ban hành	10	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
3.	Giáo dục trung học		200	Vụ Giáo dục Trung học
3.1	Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường		60	
	Công tác chỉ đạo về xây dựng kế hoạch nhà trường và kết quả thực hiện	Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo	30	
		Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường tại địa phương.	30	
3.2	Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá		60	
	Công tác chỉ đạo về thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và kết quả thực hiện	Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.	15	
		Báo cáo kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tại các nhà trường.	15	
	Công tác chỉ đạo về thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá và kết quả thực hiện	Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.	15	
		Báo cáo kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá tại các nhà trường	15	
3.3	Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng		20	
	Công tác chỉ đạo về nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng và kết quả thực hiện	Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.	10	
		Báo cáo kết quả nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng.	10	
3.4	Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở		20	
	Công tác chỉ đạo về nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở và kết quả thực hiện	Các văn bản hướng dẫn triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo.	10	
		Báo cáo kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở tại địa phương	10	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
3.5	Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục		40	
	Công tác biên soạn tài liệu giáo dục địa phương và lựa chọn SGK	Các văn bản được ban hành; báo cáo kết quả triển khai	10	
	Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.	Văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo và báo cáo kết quả thực hiện tại địa phương.	10	
	Tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo.	Văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo và báo cáo kết quả thực hiện tại địa phương	10	
	Công tác kiểm tra, tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học.	Các văn bản, kế hoạch về công tác kiểm tra, tư vấn, hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện.	10	
4.	Giáo dục thường xuyên		200	Vụ Giáo dục Thường xuyên
4.1	Công tác xây dựng xã hội học tập		45	
	Triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" (Đề án 1373).	Kế hoạch thực hiện, kiểm tra hàng năm và báo cáo kết quả triển khai/phối hợp thực hiện; Quyết định thành lập/kiện toàn Bộ phận chỉ đạo/Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp tỉnh; chương trình phối hợp thực hiện Đề án 1373; các hoạt động tuyên truyền về học tập suốt đời, về xây dựng xã hội học tập.	25	
	Phát triển, kiểm tra, đánh giá các cộng đồng học tập, đơn vị học tập, mô hình học tập, tuần lễ hưởng ứng Học tập suốt đời, Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam	- Kế hoạch, công văn hướng dẫn, báo cáo kết quả triển khai Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời. - Kế hoạch, công văn hướng dẫn, báo cáo kết quả triển khai Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam. - Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã; đơn vị học tập cấp huyện, cấp tỉnh hàng năm (so với số liệu năm học trước).	20	
4.2	Công tác xóa mù chữ		25	
	Công tác chỉ đạo về xóa mù chữ, kiểm tra công nhận kết quả xóa mù chữ.	Văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện, kế hoạch kiểm tra, Quyết định công nhận của UBND tỉnh/Sở Giáo dục và	15	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		Đào tạo về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Báo cáo kết quả thực hiện với số liệu đầy đủ (so với số liệu năm học trước).		
	Huy động, mở các lớp xóa mù chữ	Số người học xóa mù chữ; quyết định công nhận kết quả xóa mù chữ (so với số liệu năm học trước).	10	
4.3	Đổi mới công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên (các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, trung tâm tin học, ngoại ngữ; trung tâm học tập cộng đồng)		50	
	Quản lý các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.	Văn bản chỉ đạo, kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND tỉnh/Sở Giáo dục và Đào tạo đối với hệ thống các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, việc ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý.	10	
	Quản lý trung tâm học tập cộng đồng.	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch hoạt động, kết quả xếp loại hằng năm đối với hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng (so với số liệu năm học trước). Bố trí cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm, biệt phái trong các trung tâm học tập cộng đồng theo quy định.	10	
	Quản lý các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống, ...).	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát, báo cáo đánh giá hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo của các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống, ...).	10	
	Tuân thủ chế độ báo cáo, thi đua, khen thưởng theo quy định.	Báo cáo tự đánh giá thi đua; báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học đối với giáo dục thường xuyên; cập nhật đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn số liệu thống kê ngành giáo dục thường xuyên; Quyết định khen thưởng, biểu dương, ghi nhận, tôn vinh các cơ sở giáo dục thường xuyên (công lập và tư thục).	20	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
4.4	Thực hiện các chương trình giáo dục trong các cơ sở giáo dục thường xuyên		50	
	Triển khai thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông.	<p>- Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông theo quy định. Báo cáo kết quả huy động học viên tham gia học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và THPT (so với số liệu năm học trước).</p> <p>- Kết quả bồi dưỡng thường xuyên; bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho đội ngũ giáo viên dạy chương trình giáo dục thường xuyên (so với số liệu năm học trước).</p>	15	
	Các chương trình ngoại ngữ thực hành (tiếng Anh, tiếng Nhật và các ngoại ngữ khác).	<p>Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các trung tâm triển khai chương trình tiếng Anh, tiếng Nhật thuộc chương trình tiếng Anh, tiếng Nhật thực hành theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.</p> <p>Báo cáo kết quả bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên và cán bộ quản lý trung tâm; số lượt học viên theo học các chương trình (so với số liệu năm học trước).</p>	10	
	Các chương trình bồi dưỡng (bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn khác), học nghề ngắn hạn, học chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.	<p>Báo cáo kết quả duy trì ổn định các chương trình bồi dưỡng; số lượt học viên học các chương trình bồi dưỡng (so với số liệu năm học trước).</p>	15	
	Các chương trình, chuyên đề bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng tại các trung tâm học tập cộng đồng.	<p>Kế hoạch; số lượng chương trình hoặc chuyên đề bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng tại các trung tâm học tập cộng đồng; số lượng lớp hoặc học viên tham gia (so với số liệu năm học trước).</p>	10	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
4.5	Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên; tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên.		30	
	Các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.	Duy trì ổn định hoặc phát triển mạng lưới trung tâm; số lượng trung tâm được nâng cấp, xây mới, tu sửa cơ sở vật chất hiện có (so với số liệu năm học trước).	10	
	Trung tâm học tập cộng đồng	Duy trì ổn định mạng lưới, số lượng trung tâm được bổ sung, tăng cường cơ sở vật chất hiện có (so với số liệu năm học trước).	10	
	Các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (trung tâm ngoại ngữ, tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống...)	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh/Sở Giáo dục và Đào tạo về việc củng cố, phát triển mạng lưới các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên; Kế hoạch và kết quả rà soát, đánh giá, công khai các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho việc đào tạo trực tiếp/trực tuyến và triển khai chuyên đổi số trong giáo dục thường xuyên (so với số liệu năm học trước).	10	
5.	Giáo dục thể chất		200	Vụ
5.1	Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng, chống dịch COVID-19; thực hiện công tác y tế trường học.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, các văn bản hướng dẫn công tác phòng chống dịch, công tác y tế trường học. - Quyết định thành lập/khuyến toàn, phân công nhiệm vụ Ban chỉ đạo, tổ công tác phòng chống dịch, công tác y tế trường học; số liệu về sắp xếp, bố trí nhân viên y tế trường học. - Báo cáo kết quả triển khai các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, tập huấn (báo cáo, hình ảnh minh họa). - Kết quả công tác phối hợp giữa ngành Giáo dục và ngành Y tế tại địa phương (báo cáo, kết quả kiểm tra, tập huấn, tuyên truyền, hình ảnh minh họa). 	40	Giáo dục Thể chất

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
5.2	Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, các văn bản hướng dẫn công tác giáo dục thể chất. - Kết quả bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo dục thể chất. - Kết quả bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu phục vụ giáo dục thể chất. - Kết quả tổ chức đánh giá, xếp loại thể lực học sinh và cập nhật, báo cáo cơ sở dữ liệu số về sức khỏe học sinh. 	40	
5.3	Chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động thể thao trong nhà trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, các văn bản hướng dẫn hoạt động thể thao trong nhà trường. - Kết quả thành lập, quản lý, phát triển câu lạc bộ các môn thể thao trong nhà trường. - Kết quả tổ chức hoạt động tập luyện và thi đấu thể thao cho học sinh. - Kết quả giáo dục nâng cao kỹ năng tham gia hoạt động thể thao (ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn trong vận động; phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu; tư vấn, định hướng học sinh tham gia tập luyện và thi đấu). 	40	
5.4	Chỉ đạo triển khai Chương trình Sức khỏe học đường kết hợp với các hoạt động thể lực.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình Sức khỏe học đường; phòng, chống bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần trong trường học. - Kết quả triển khai các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, tập huấn sức khỏe học sinh (báo cáo, hình ảnh minh họa). - Kết quả triển khai công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về sức khỏe học sinh. - Kế hoạch phối hợp, văn bản chỉ đạo và kết quả kiểm tra liên ngành về nước sạch và vệ sinh môi trường trường học; 	40	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; phòng, chống các bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở giáo dục.		
5.5	Đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước đối với trẻ em, học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai từng năm học và giai đoạn 2021 - 2025; các văn bản phối hợp chỉ đạo liên ngành. - Kết quả triển khai các hoạt động giáo dục, tuyên truyền (báo cáo, hình ảnh minh họa). - Kết quả tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên và trang bị kiến thức, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước cho học sinh. - Số liệu học sinh tử vong do tai nạn thương tích và đuối nước (có so sánh với năm học trước). 	40	
6.	Giáo dục chính trị và công tác học sinh sinh viên		200	Vụ Giáo dục chính trị và Công tác học sinh sinh viên
6.1	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; thực hiện công tác khởi nghiệp sáng tạo và chế độ chính sách cho học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hằng năm, văn bản triển khai tại địa phương. - Báo cáo đầy đủ, kịp thời, đúng hướng dẫn. - Không để xảy ra các vụ việc vi phạm pháp luật, bạo lực học đường nghiêm trọng trong trường học. - Văn bản phối hợp liên ngành với các cơ quan và các tổ chức đoàn thể có liên quan. - Thực hiện đầy đủ, cập nhật kịp thời số liệu tại hệ thống phòng, chống bạo lực học đường. - Báo cáo kết quả bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng cho giáo viên, học sinh về công tác xây dựng và bảo đảm trường học an toàn, lành mạnh, thân thiện; công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bạo lực học đường. 	80	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		- Báo cáo kết quả thực hiện chế độ chính sách cho học sinh.		
6.2	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hàng năm, văn bản triển khai tại địa phương. - Báo cáo đầy đủ, kịp thời đúng hướng dẫn. - Báo cáo kết quả thực hiện chính sách cho Giáo viên - Tổng phụ trách Đội, cán bộ Đoàn. - Báo cáo kết quả tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ báo cáo viên, cán bộ cốt cán phụ trách công tác giáo dục đạo đức, lối sống, tư vấn tâm lý, công tác xã hội. - Văn bản ký kết và báo cáo kết quả triển khai các chương trình phối hợp với các cơ quan, đoàn thể chính trị tại địa phương, gia đình trong quản lý và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. 	60	
6.3	Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; hướng dẫn khai thác sử dụng Internet, mạng xã hội an toàn, hiệu quả; ứng xử văn hóa; tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, câu lạc bộ cho học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hàng năm, văn bản triển khai tại địa phương. - Báo cáo đầy đủ, kịp thời đúng hướng dẫn. - Văn bản xây dựng văn hóa học đường, ứng xử văn hóa; tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, câu lạc bộ cho học sinh. - Báo cáo kết quả tham gia các hoạt động do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động. - Báo cáo kết quả tổ chức hoạt động về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong nhà trường. - Báo cáo kết quả giao ban, cung cấp thông tin về tình hình chính trị, xã hội cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh. 	60	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
7.	Quản lý chất lượng		150	Cục Quản lý chất lượng
7.1	Công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch và báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có kết quả thực hiện việc cải tiến, nâng cao chất lượng sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài. - Quyết định mở lớp tập huấn, bồi dưỡng; danh sách cán bộ, giáo viên đã được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ tự đánh giá, đánh giá ngoài 	40	
7.2	Công tác quản lý thi và đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả tổ chức các kỳ thi trên địa bàn. - Kết quả tham gia các hoạt động đánh giá quốc gia, quốc tế (nếu có). 	40	
7.3	Công tác quản lý văn bằng chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý, văn bằng chứng chỉ trên địa bàn. - Số liệu về việc công nhận văn bằng theo thẩm quyền (nếu có). 	40	
7.4	Công tác phối hợp, triển khai các hoạt động quản lý chất lượng; thực hiện chế độ báo cáo, công khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cử người tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn, tham gia các hoạt động chuyên môn về quản lý chất lượng; văn bản góp ý các dự thảo theo yêu cầu của Bộ (nếu có). - Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo; báo cáo kết quả tổ chức các hội nghị, tập huấn của đơn vị về các lĩnh vực công tác quản lý chất lượng. - Báo cáo thực hiện công khai và các báo cáo khác theo quy định. 	30	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
8.	Công nghệ thông tin		150	Cục Công nghệ thông tin
8.1	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học	Báo cáo kết quả thực hiện về dạy học trực tuyến	50	
		Báo cáo kết quả tham gia cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử của Bộ, tham gia đóng góp học liệu trên Kho học liệu số		
		Báo cáo về số lượng bài giảng điện tử, học liệu điện tử đã thu thập được trong ngành		
		Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % giáo viên được hướng dẫn, tập huấn kỹ năng dạy học trực tuyến trong năm học		
		Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % học sinh được tham gia học trực tuyến trong năm học (chia theo từng cấp: Tiểu học, THCS, THPT)		
		Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các cơ sở giáo dục triển khai phần mềm thư viện điện tử		
8.2	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý giáo dục	Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường sử dụng phần mềm quản lý trường học	40	
		Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường có phần mềm quản lý trường học kết nối báo cáo dữ liệu thành công với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục		
		Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường sử dụng sổ điểm điện tử		
		Báo cáo về số lượng, tỷ lệ % các trường ứng dụng thanh toán học phí không dùng tiền mặt		
		Báo cáo về số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã triển khai		

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
8.3	Các điều kiện đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số	Quy chế quản lý; báo cáo kết quả khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục Báo cáo số lượng máy tính dạy môn Tin học (chia theo từng cấp học: Tiểu học, THCS, THPT) Báo cáo số lượng trường học chưa kết nối Internet cấp quang Báo cáo số lượng học sinh đã có Internet học trực tuyến (chia theo từng cấp học: tiểu học, THCS và THPT) Báo cáo số lượng đội ngũ được tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin	30	
8.4	Công tác thống kê giáo dục	Báo cáo kết quả thực hiện thống kê đầu năm học (chưa báo cáo, chậm tiến độ, đúng hạn) Báo cáo kết quả thực hiện thống kê cuối năm học (chưa báo cáo, chậm tiến độ, đúng hạn) Báo cáo kết quả thực hiện cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục	30	
9.	Cơ sở vật chất		150	Cục
9.1	Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non - phổ thông.	- Nghị quyết, quyết định của tỉnh/thành ủy, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Quyết định phê duyệt kế hoạch, đề án, chương trình cụ thể và báo cáo kết quả thực hiện: + Số lượng đơn vị rà soát, sắp xếp; số lượng cơ sở giáo dục, điểm trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, quy mô trường lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh... (đối chiếu so với năm trước và kế hoạch được duyệt). + Nguồn vốn đã huy động thực hiện.	25	Cơ sở vật chất

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
9.2	Tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo các công trình vệ sinh, nước sạch trong các cơ sở giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chi tiết, văn bản chỉ đạo của sở. - Báo cáo về thực trạng nhà vệ sinh đạt chuẩn, số lượng công trình nước sạch các cơ sở giáo dục: <ul style="list-style-type: none"> + Số lượng nhà vệ sinh đạt chuẩn + Số lượng cơ sở giáo dục có công trình nước sạch + Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh và các công trình nước sạch của các cơ sở giáo dục. - Báo cáo về thực trạng cơ sở vật chất: <ul style="list-style-type: none"> + Số lượng phòng học cấp tiểu học + Số lượng phòng học bộ môn + Công trình kiên cố ở tất cả các cấp học mầm non và tiểu học + Quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục, trong đó có so sánh với cùng kỳ năm trước. 	50	
9.3	Công tác thiết bị dạy học	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt của địa phương về đầu tư thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em và thư viện trường phổ thông. - Kế hoạch chi tiết và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo. - Báo cáo về tỷ lệ thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em đáp ứng yêu cầu tối thiểu (trung bình của các cấp học) vào đầu năm và cuối năm. - Báo cáo về tỷ lệ thư viện trong các cơ sở giáo dục phổ thông đầu năm và cuối năm. - Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, đánh giá của sở giáo dục và đào tạo (hoặc dẫn chiếu đến Báo cáo đã nộp theo quy định). 	50	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
9.4	Các nhiệm vụ khác		25	
	Chương trình Môi trường quốc gia và xây dựng nông thôn mới	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chi tiết, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của sở giáo dục và đào tạo. - Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, hỗ trợ và đánh giá của sở giáo dục và đào tạo (hoặc dẫn chiếu đến báo cáo đã nộp theo quy định). 	10	
	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành Giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chi tiết, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của sở giáo dục và đào tạo. - Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, đánh giá của sở giáo dục và đào tạo (hoặc dẫn chiếu đến báo cáo đã nộp theo quy định). 	10	
	Thực hiện chế độ báo cáo	Các báo cáo cập nhật, bổ sung số liệu định kỳ và đột xuất về công tác cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo yêu cầu	5	
10.	Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục		150	Cục
10.1	Công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	<p>Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bảo đảm đúng quy định và báo cáo kết quả thực hiện về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyển dụng, sử dụng, tinh giản biên chế; xây dựng đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch số lượng người làm việc của các cơ sở giáo dục; giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên; chuẩn bị giáo viên triển khai chương trình, sách giáo khoa. - Đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo Luật Viên chức, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng; thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục - Thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của địa phương 	40	Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
10.2	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	<p>Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bảo đảm đúng quy định và báo cáo kết quả thực hiện về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nâng chuẩn trình độ theo lộ trình; bồi dưỡng thực hiện chương trình, sách giáo khoa. - Bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. - Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc sở giáo dục và đào tạo, Trưởng phòng/Phó Trưởng phòng giáo dục và đào tạo. - Bồi dưỡng triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. - Thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của địa phương. 	40	
10.3	Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	<p>Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ làm việc của giáo viên. - Việc bổ nhiệm, xếp lương theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; các quy định về lương, phụ cấp theo lương, chính sách ưu đãi, đãi ngộ của địa phương (nếu có). - Thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục. - Tiếp nhận, xử lý, trả lời kiến nghị của nhà giáo, nhân viên liên quan đến thực hiện chế độ chính sách. - Thanh tra, kiểm tra thực hiện chế độ chính sách đối với 	40	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của địa phương.		
10.4	Công tác quản lý, nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và báo cáo kết quả thực hiện về: - Thực hiện các quy định về quy chế dân chủ cơ quan, đạo đức nhà giáo; xử lý vi phạm đạo đức nhà giáo (nếu có). - Nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo. - Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực ứng xử sư phạm cho nhà giáo	30	
11.	Thanh tra		100	Thanh tra
11.1	Xây dựng, kiện toàn đội ngũ thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra	- Quyết định bổ nhiệm mới lãnh đạo Thanh tra sở; Quyết định bổ nhiệm thanh tra viên. - Quyết định công nhận và cấp thẻ cộng tác viên thanh tra giáo dục. - Kế hoạch và kết quả tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra năm học. - Kết quả bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra.	20	
11.2	Công tác thanh tra, kiểm tra	- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đầu năm học; Kế hoạch thanh tra, kiểm tra điều chỉnh, bổ sung (nếu có); Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đột xuất (nếu có)	20	
		- Các kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra - Các văn bản xử lý sau thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra/kiểm tra	20	
		- Văn bản hướng dẫn các phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trực thuộc trong công tác kiểm tra. - Văn bản phối hợp với thanh tra tỉnh, thanh tra huyện và các đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; trong xử lý các vụ việc sai phạm, tiêu cực về giáo dục trên địa bàn.	20	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
11.3	Tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng và ứng dụng CNTT trong thanh tra, kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng. - Văn bản cử người tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn, các đoàn thanh tra, kiểm tra do Bộ, Thanh tra Bộ, Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức - Báo cáo kết quả thực hiện việc cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý công tác thanh tra của Thanh tra Bộ và kết quả sử dụng, trích xuất nội dung trong phần mềm. - Các báo cáo sơ kết, tổng kết, đột xuất theo yêu cầu 	20	
12.	Văn phòng		100	Văn phòng
12.1	Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và kế hoạch thời gian năm học	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chuẩn bị năm học và khai giảng năm học; báo cáo sơ kết học kỳ I; báo cáo tổng kết năm học; báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua và đề nghị xét khen thưởng năm học; báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm học ở địa phương và các báo cáo đột xuất. - Kế hoạch thời gian năm học của UBND cấp tỉnh; Kế hoạch hoặc Chỉ thị về nhiệm vụ trọng tâm năm học của địa phương. - Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020 và Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06/08/2021 	20	
		<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch thời gian năm học của UBND cấp tỉnh; Kế hoạch hoặc Chỉ thị về nhiệm vụ trọng tâm năm học của địa phương. - Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020 và Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06/08/2021 	20	
12.2	Công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ website; Website được cập nhật thông tin thường xuyên và có đường link với website Bộ. - Danh sách cán bộ phụ trách truyền thông - Kế hoạch truyền thông của đơn vị, kết quả xử lý sự cố truyền thông. 	10	
		<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách cán bộ phụ trách truyền thông - Kế hoạch truyền thông của đơn vị, kết quả xử lý sự cố truyền thông. 	20	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		- Kết quả tập huấn truyền thông - Kết quả thực hiện công tác phối hợp truyền thông với Bộ	10	
12.3	Công tác cải cách thủ tục hành chính	- Tỷ lệ công bố thủ tục hành chính và các quyết định công bố được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn (báo cáo cải cách hành chính).	20	
13.	Kế hoạch - Tài chính		100	Vụ Kế hoạch - Tài chính
13.1	Xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương hằng năm	Báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương theo đúng quy định; các nội dung và chỉ tiêu xã hội hóa giáo dục của địa phương	40	
13.2	Bảo đảm đủ kinh phí để chi cho hoạt động giáo dục tại địa phương theo quy định; đảm bảo nguồn ngân sách địa phương đáp ứng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên.	Báo cáo tình hình thực hiện và kế hoạch ngân sách hằng năm của của Sở Giáo dục và Đào tạo; các kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ và đầu tư cơ sở vật chất theo năm.	40	
13.3	Cân đối ngân sách để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu.	Nội dung liên quan trong kế hoạch ngân sách của UBND cấp tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp tỉnh	20	
14.	Giáo dục quốc phòng và An ninh		100	Vụ Giáo dục quốc phòng và An ninh
14.1	Công tác quân sự, quốc phòng	- Nghị quyết, kế hoạch, hướng dẫn công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh. - Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự, cán bộ làm công tác quân sự, lực lượng tự vệ; Hệ thống văn kiện công tác quân sự, quốc phòng.	20	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả huấn luyện, hội thao, diễn tập lực lượng tự vệ, tham gia các đợt tập huấn công tác quân sự quốc phòng, phòng chống khủng bố do Bộ tổ chức - Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ tiêu, kế hoạch của Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh các cấp và kết quả thực hiện 		
14.2	Giáo dục quốc phòng và an ninh		80	
	Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo dạy học giáo dục quốc phòng an ninh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết hoặc nội dung lãnh đạo giáo dục quốc phòng an ninh trong Nghị quyết lãnh đạo của sở. - Văn bản hướng dẫn năm học có nội dung lồng ghép giáo dục quốc phòng an ninh cấp tiểu học, trung học cơ sở và môn học giáo dục quốc phòng an ninh cấp trung học phổ thông. 	20	
	Tổ chức dạy học.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá theo quy định. - Kết quả Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh theo đúng quy định của Bộ. 	20	
	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung đủ và đáp ứng đạt chuẩn giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định. - Kết quả tập huấn nghiệp vụ cho giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh. 	20	
	Cơ sở vật chất, vũ khí trang thiết bị bảo đảm cho môn học.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả bảo đảm trang thiết bị tối thiểu theo quy định; kế hoạch mua sắm bổ sung hằng năm. 	20	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
15.	Pháp chế		100	Vụ Pháp chế
15.1	Tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác pháp chế.	Quyết định thành lập hoặc phân công nhiệm vụ thực hiện công tác pháp chế (trong đó, nêu rõ về cơ cấu, số lượng...).	20	
15.2	Công tác xây dựng văn bản	Thống kê số lượng, danh mục và kết quả thực hiện: Công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (chủ trì hoặc phối hợp); công tác góp ý, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản có liên quan đến giáo dục; công tác xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành trong phạm vi ngành tại địa phương.	40	
15.3	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương.	Thống kê số lượng, hình thức và kết quả việc thực hiện nhiệm vụ.	40	
16.	Hợp tác quốc tế		100	Cục Hợp tác quốc tế
16.1	Thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế	Văn bản/kế hoạch/chỉ đạo thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế.	10	
		Văn bản phân công đầu mối phụ trách công tác hợp tác và hội nhập quốc tế	20	
		Báo cáo hằng năm về công tác hợp tác quốc tế và báo cáo đột xuất (nếu có).	10	
16.2	Kết quả hợp tác và hội nhập quốc tế	Văn bản, thỏa thuận ký kết hợp tác với đối tác nước ngoài ở cấp cơ sở giáo dục trở lên (còn hiệu lực).	10	
		Chương trình, dự án, đề án, hoạt trao đổi động hợp tác với nước ngoài cấp cơ sở giáo dục trở lên (đang triển khai).	10	
		Báo cáo kết quả quản lý cơ sở tư vấn du học thuộc địa bàn	10	
		Báo cáo kết quả quản lý cơ sở giáo dục về: (i) dạy chương trình giáo dục tích hợp; (ii) dạy chương trình nước ngoài;	10	

STT	Tiêu chí	Minh chứng	Điểm đánh giá	Đơn vị đánh giá
		(iii) dạy một số môn học, nội dung chương trình giáo dục Việt Nam bằng tiếng nước ngoài; (iv) cơ sở đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài		
16.3	Sự tiến bộ trong công tác hợp tác và hội nhập quốc tế	Báo cáo so sánh với năm học trước	20	
17.	Giáo dục dân tộc		100	Vụ Giáo dục Dân tộc
17.1	Nâng cao chất lượng dạy và học ở các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi; trường phổ thông dân tộc nội trú và phổ thông dân tộc bán trú; dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học về giáo dục dân tộc. - Kế hoạch tuyển sinh học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kế hoạch xét duyệt đối với học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú. - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục dạy học tiếng dân tộc thiểu số cho học sinh, cán bộ, công chức, viên chức. 	40	
17.2	Thực hiện chế độ, chính sách đối với người dạy, người học, cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với người dạy, người học, cơ sở giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi của địa phương. - Văn bản (nghị quyết/quyết định/đề án, dự án, kế hoạch...) về chính sách phát triển giáo dục dân tộc của địa phương. 	30	
17.3	Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phân công đầu mối tham mưu quản lý, chỉ đạo về giáo dục dân tộc của địa phương. - Các báo cáo về giáo dục dân tộc theo yêu cầu. - Kết quả xử lý các sai phạm trong lĩnh vực giáo dục dân tộc (nếu có) 	30	
Tổng cộng:			2.500	